

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T
NĂM 2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG	3
1.	Thông tin khái quát	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
5.	Định hướng phát triển	6
6.	Các rủi ro	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	13
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	13
2.	Tổ chức và nhân sự	14
3.	Danh sách các công ty con, công ty liên kết hiện F.I.T đang nắm giữ cổ phần chi phối. 17	
4.	Tình hình tài chính	19
5.	Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	20
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	25
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	25
2.	Tình hình tài chính	25
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	25
4.	Kế hoạch phát triển tương lai	26
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	27
1.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	27
2.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc	27
3.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	27
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1.	Hội đồng quản trị	28
2.	Ban kiểm soát	31
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	32
VI.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	41
1.	Số: 016/VACO/BCKT.NV2	43
	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	50

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T
Số đăng ký kinh doanh:	0102182140 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007; đăng ký thay đổi lần 18 ngày 10/02/2015
Vốn Điều lệ:	892.124.880.000 đồng
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu:	892.124.880.000 đồng
Trụ sở chính:	Tầng 16, Tòa nhà Center Building (Hapulico Complex) – số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh:	Tầng 16, Tòa nhà Center Building (Hapulico Complex) – số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Số Điện thoại:	(84-4) 7304 9688
Số Fax:	(84-4) 7304 4686
Website:	www.fitgroup.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T là công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư. Được thành lập ngày 08 tháng 3 năm 2007, F.I.T là một công ty trẻ, năng động và đang trên đà phát triển. Với slogan ban đầu là "Làm giàu vững chắc", ban lãnh đạo F.I.T đã thực hiện đúng tôn chỉ của mình, kết quả là đã chèo lái F.I.T vững vàng vượt qua được cơn suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008, khẳng định vị trí trong ngành dịch vụ tư vấn, phát triển được đội ngũ chuyên viên chuyên nghiệp và đưa giá trị doanh nghiệp tăng trưởng cao so với vốn ban đầu.

Với slogan mới “FUTURE INVESTMENT TREND - Xu hướng đầu tư tương lai”. F.I.T luôn tìm tòi, sáng tạo ra các sản phẩm đầu tư đi tắt đón đầu, có suất sinh lời cao cho công ty và khách hàng. Những sản phẩm đầu tư đó sẽ trở thành xu hướng đầu tư của đại bộ phận các nhà đầu tư trên thị trường.

Sau 8 năm phát triển, F.I.T đã tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 892,124 tỷ đồng. Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 26/07/2013. Đến thời điểm 31/12/2014, tổng tài sản của F.I.T đạt 992,415 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu đạt 660,6 tỷ đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Ủy thác xuất nhập khẩu, nghiên cứu chuyển giao công nghệ và sản xuất phần mềm công nghệ tin học viễn thông;
- Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, máy móc thiết bị;
- Mua bán, phân phối các sản phẩm tiêu dùng, các sản phẩm hàng công nghiệp
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô theo hợp đồng;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar)
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện;
- Dịch vụ sinh hoạt giải trí;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ vui chơi giải trí
- Các dịch vụ: bãi đỗ xe và các công trình công cộng; tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh
- Bán buôn phân bón, hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su.

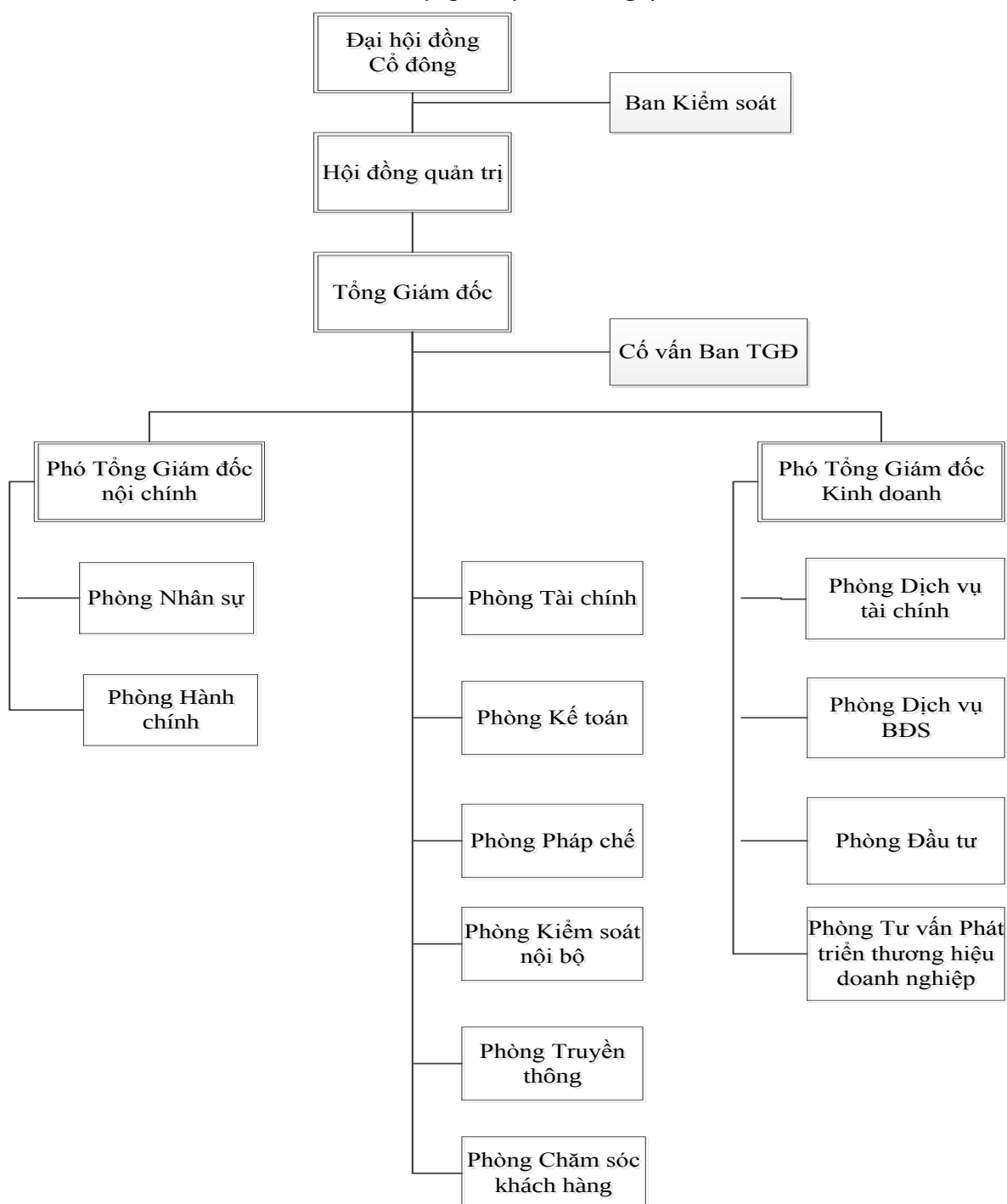
b. Địa bàn kinh doanh:

FIT là một trong những công ty hàng đầu tại Việt Nam với hoạt động đầu tư hiệu quả cung cấp các chuỗi các sản phẩm và dịch vụ tư vấn chất lượng thu hút nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

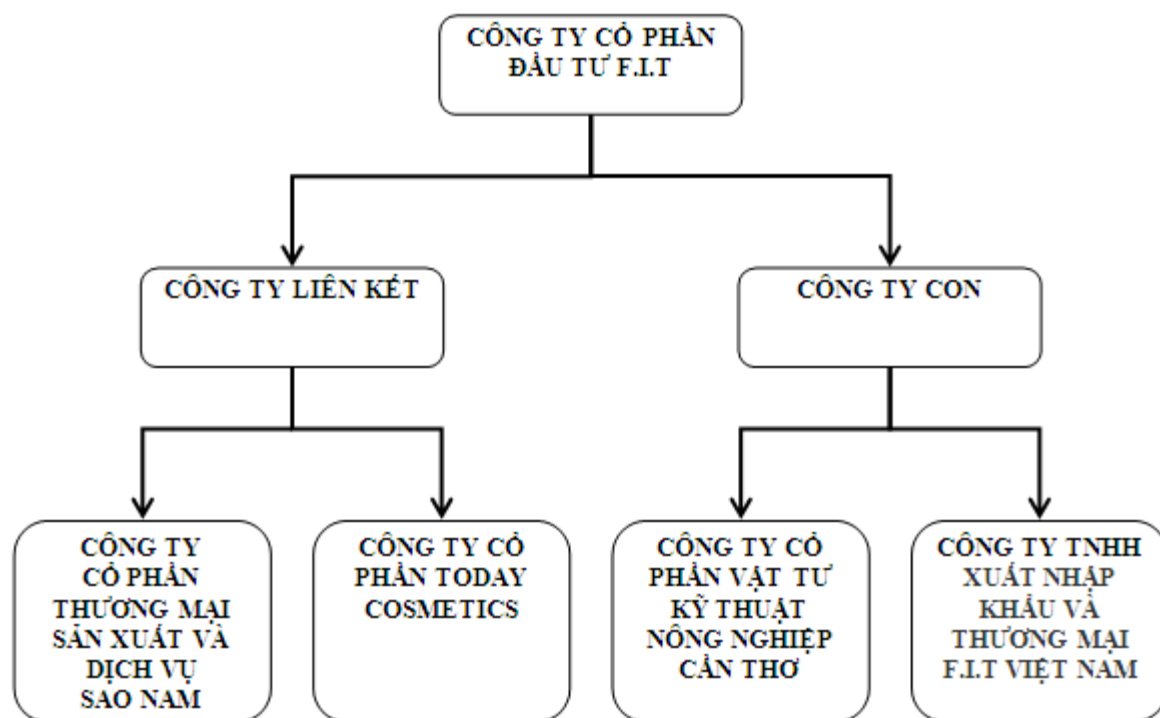
a. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

Hình 1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



b. Sơ đồ tổ chức công ty

Hình 2: Sơ đồ tổ chức Công ty



5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

FIT trở thành Tập đoàn Đầu tư hoạt động hiệu quả, đóng góp xây dựng giá trị cho cổ đông, tạo dựng nên thương hiệu FIT thông qua chuỗi các sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Nhận thấy sự khắc nghiệt của thị trường tài chính, ban lãnh đạo Công ty cổ phần đầu tư F.I.T đã chọn con đường đi riêng và tạo ra sự khác biệt với các công ty tài chính khác. Đó là việc công ty tập trung vào mảng dịch vụ tài chính, cụ thể là dịch vụ thu xếp vốn, dịch vụ ủy thác đầu tư..., tìm kiếm các cơ hội đầu tư với suất sinh lời lớn để đầu tư cũng như giới thiệu với khách hàng. Ngoài ra, hiện nay công ty cũng đang tìm kiếm để đầu tư nắm giữ cổ phần lớn tại các công ty thuộc lĩnh vực sản xuất, phân phối hàng tiêu dùng thực phẩm...

Mục tiêu của F.I.T đến năm 2020 là trở thành Công ty với mô hình Tập đoàn, vốn điều lệ lên đến hàng trăm triệu USD và tăng dần vào các năm sau đó.

6. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng

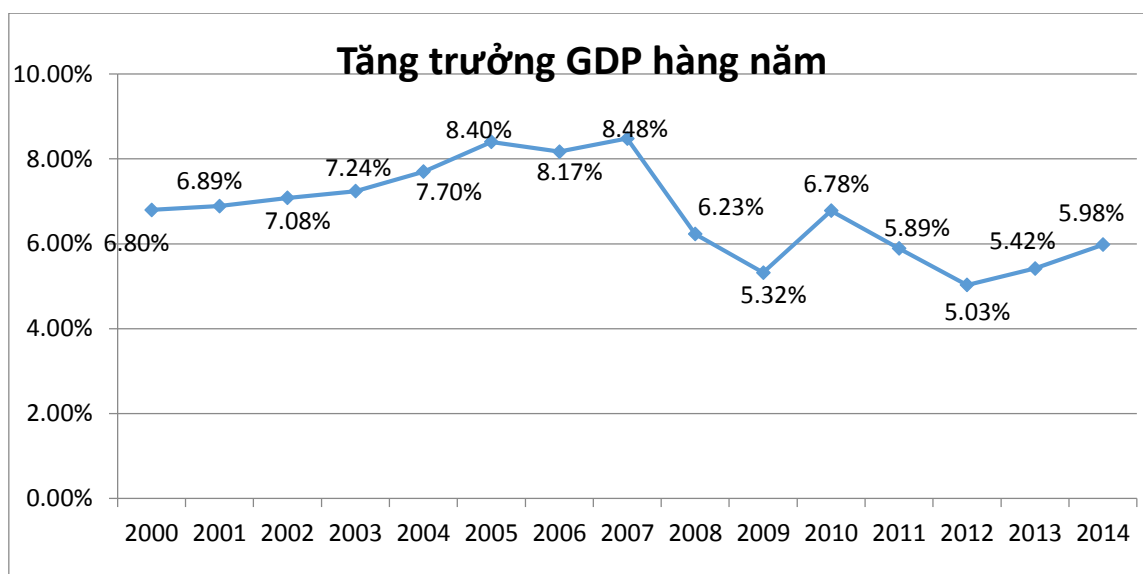
như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP trung bình giai đoạn 2004-2007 đạt 8,16%, phản ánh những bước tiến vững chắc, đúng hướng của Việt Nam cũng như phần nào cho thấy tiềm năng phát triển của Việt Nam trong những năm tới.

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Năm 2008 chứng kiến nền kinh tế toàn cầu bị suy thoái nặng nề, khiến cho nền kinh tế Việt Nam cũng phải chịu những ảnh hưởng đáng kể: thâm hụt thương mại ở mức kỷ lục, thất nghiệp gia tăng, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh và sự đóng băng của thị trường bất động sản. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 của Việt Nam chỉ đạt 6,23%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra.

Hình 3: Tăng trưởng GDP hàng năm



Nguồn: GSO

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,00%. Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công. Tuy nhiên, tình hình kinh tế đến nay vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, bao gồm những hạn chế về cân đối vĩ mô chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức cao; nhập siêu lớn cùng với sự suy giảm của dòng vốn đầu tư nước ngoài và những ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, dự trữ ngoại hối...

Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu đặc biệt với những cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu, thì nền kinh tế Việt Nam cũng đã có những diễn biến phức tạp. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,03%,

Bước sang năm 2013, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 5,42% với các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Kết thúc năm 2014, theo số liệu được Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP cả nước tiếp tục diễn biến theo hướng tích cực khi tăng 5,98% so với năm 2013. Con số này cao hơn so với mục tiêu mà Chính phủ đặt ra đầu năm (từ 5,8%) và cao hơn mức tăng của hai năm trước đó.

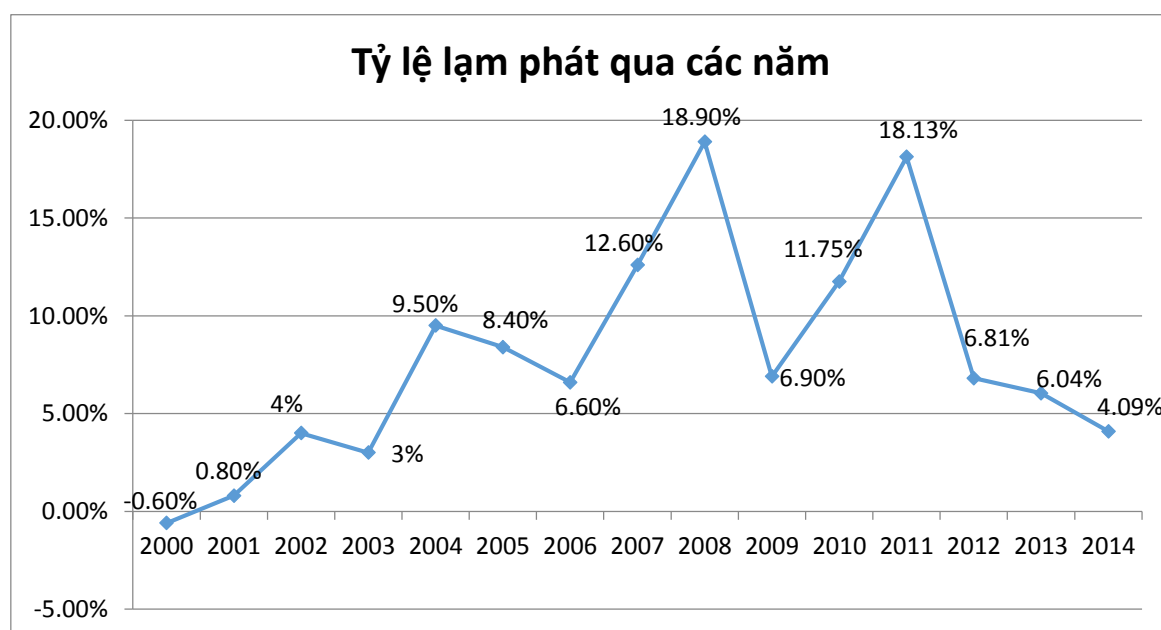
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư nói riêng. Mặt khác, với chiến lược đầu tư riêng biệt, tập trung vào dịch vụ, cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn hợp lý, Công ty đã đảm bảo an toàn vốn và sự phát triển bền vững của Công ty.

Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2000 - 2013 cụ thể như sau:

Hình 4: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: GSO

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Thời kỳ 1996-2003 được coi là thiếu phát, khi CPI tăng rất thấp. Thời kỳ từ 2004 đến nay là thời kỳ lạm phát cao trở lại, gần như lặp đi lặp lại, cứ 2 năm tăng cao mới có 1 năm tăng thấp hơn. Năm 2004 tăng 9,5%, năm 2005 tăng 8,4%, thì năm 2006 tăng 6,6%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Năm 2007 tăng 12,63%, năm 2008 tăng 19,89%, thì năm 2009 tăng 6,52%. Năm 2010 tăng 11,75%, năm 2011 tăng 18,13%.

Đến năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Năm 2014, CPI bình quân tăng 4,09 so với năm 2013, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua cho thấy nền kinh tế đang dần ổn định. Đó là dấu hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và Công ty nói riêng. Cùng với đà phục hồi của nền kinh tế, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần F.I.T đã chọn con đường đi riêng vào tạo ra sự khác biệt với các công ty tài chính khác đó là vẫn tiếp tục duy trì các mảng kinh doanh là đầu tư, dịch vụ đầu tư, tài chính cá nhân và các dịch vụ bất động sản. Tuy nhiên với thế mạnh có đội ngũ chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, F.I.T sẽ đặc biệt chú trọng phát triển mảng đầu tư và tư vấn. Để quản trị rủi ro một cách chặt chẽ hơn F.I.T sẽ giảm các khoản Hợp tác đầu tư mang lại lợi suất cố định, chỉ giữ một tỷ trọng hợp lý đối với cổ phiếu niêm yết và tập trung vào đầu tư dài hạn nắm quyền kiểm soát và chi phối các công ty con, công ty liên kết.

Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 vừa qua nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức mức 14%.

Kể từ ngày 27/06/2013, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó,

lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 2%/năm xuống 1,2%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7,5%/năm xuống còn 7%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 8%/năm xuống 7,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 10%/năm xuống còn 9%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND của Quỹ tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô đối với các nhu cầu vốn này giảm 11%/năm xuống 10%/năm.

Kể từ ngày 18/03/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành thông báo điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành của NHNN và lãi suất tiền gửi tối đa đối với các tiền gửi bằng VND của tổ chức, cá nhân tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi VND không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 1,2%/năm xuống 1,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng với tiền gửi VND từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 7,0%/năm xuống còn 6,0%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân, Tổ chức tài chính vi mô giảm từ 7,5%/năm xuống 6,5%/năm. Bên cạnh đó, NHNN cũng điều chỉnh giảm lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND đối với một số lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ cao) từ 9%/năm xuống còn 8%/năm.

Như vậy, cùng với việc giảm lãi suất huy động theo quy định của NHNN, lãi suất cho vay cũng được giảm theo đáng kể. Đây là tín hiệu tốt cho các doanh nghiệp nói chung đặc biệt là các doanh nghiệp lĩnh vực vật tư nông nghiệp và chế biến thực phẩm nói riêng.

Tỷ giá hối đoái

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Nhờ định hướng biên độ điều hành tỷ giá ổn định và quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá không có nhiều biến động lớn trong năm 2012. Ngày 28/06/2013, NHNN chính thức điều chỉnh tỷ giá từ mức 20.828 VND/USD lên 21.036 VND/USD (mức điều chỉnh 1%). Thêm nữa, lực đẩy can thiệp đã được cải thiện rất lớn, khi dự trữ ngoại tệ của Việt Nam đã đạt mức kỷ lục là 32 tỷ USD, tương đương với 12 tuần nhập khẩu.

Hiện tại, hoạt động xuất và nhập khẩu của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của rủi ro do biến động tỷ giá. Tuy nhiên hoạt động này chỉ chiếm một phần nhỏ trong cơ cấu lợi nhuận của Công ty nên ảnh hưởng của tỷ giá đến hoạt động của Công ty là không nhiều.

b. Rủi ro về cơ chế chính sách và pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hệ thống luật pháp có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Xây dựng và các văn bản dưới luật liên quan khác. Khi Công ty tham gia niêm yết trên TTCK sẽ chịu sự tác động của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

c. Rủi ro đặc thù

Rủi ro trong mảng đầu tư tài chính

Về mảng đầu tư tài chính, đây là lĩnh vực kinh doanh có hệ số rủi ro cao. Thị trường chứng khoán tăng, giảm phụ thuộc vào nhiều nhân tố: Sự phát triển của kinh tế vĩ mô, vi mô, của từng ngành, từng doanh nghiệp... kể cả tâm lý của nhà đầu tư. Sự trồi sụt của thị trường chứng khoán sẽ tạo ra sự không ổn định trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty nên đối với lĩnh vực này. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã thực hiện kế hoạch kinh doanh đa dạng hóa danh mục đầu tư, tập trung đầu tư vào nhóm cổ phiếu có tính thanh khoản cao, ở các ngành nghề trọng điểm và có nhiều cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Việc lựa chọn ngành/cổ phiếu, xác định thời điểm đầu tư và phân bổ nguồn vốn đầu tư được tiến hành trên cơ sở lập kế hoạch kinh doanh dài hạn trên cơ sở đã phân tích đánh giá kỹ lưỡng biến động kinh tế và thị trường tiền tệ cũng như xem xét cân nhắc với các rủi ro có thể gặp phải. Điều này đã giúp Công ty giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư.

Rủi ro trong hoạt động tư vấn

Công ty là một doanh nghiệp chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và tư vấn đầu tư tài chính và bất động sản. Đảm bảo chất lượng tốt nhất cho các dịch vụ tư vấn đối với khách hàng là trọng tâm trong hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty. Do đó, các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến tính chính xác và hiệu quả của dịch vụ tư vấn,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

trình độ chuyên môn, sự chuyên nghiệp và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân viên sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Ý thức được rủi ro này, Công ty tập trung đào tạo chuyên môn cho nhân viên, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện, có chính sách đãi ngộ tốt để thu hút và duy trì một đội ngũ nhân sự ổn định.

d. Rủi ro khác

Giá cổ phiếu của Công ty không thể không tránh khỏi những biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam và thị trường chứng khoán thế giới. Đặc biệt khi cổ phiếu đã được niêm yết, các yếu tố trên càng trở nên khá nhạy cảm và ảnh hưởng trực tiếp đến giá giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014

Chỉ tiêu	Năm 2013 (VND)	Năm 2014 (VND)	% Tăng/ giảm của năm 2014 so với 2013
Tổng giá trị tài sản	232.254.889.545	992.415.646.746	327,30%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.415.123.592	244.377.715.446	553,15%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.759.501.001	79.595.801.184	348,19%
Doanh thu hoạt động tài chính	198.800.461.158	142.989.271.709	(28,07%)
Chi phí tài chính	164.316.951.809	6.668.098.087	(95,94%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.660.670.881	182.830.112.827	309,38%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Lợi nhuận khác	1.248.488.904	(376.178.240)	(130,13%)
Lợi nhuận trước thuế	45.909.159.785	181.106.630.078	294,49%
Lợi nhuận sau thuế	34.342.620.672	146.031.556.621	325,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	91,72%	51,36%	-

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trong năm 2014, hoạt động kinh doanh của FIT rất khả quan và đều vượt kế hoạch kinh doanh do hội đồng quản trị đề ra

3. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

Bảng 2: Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng giám đốc
2	Trần Thị Mai Hương	Kế toán trưởng

❖ Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt –Tổng Giám Đốc

Họ và tên: **NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT**
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 15/07/1970
Nơi sinh: Hà Nội
CMND: 011490956 Ngày cấp: 26/02/2007 Nơi cấp: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú: P505 nhà 21, phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: 0912.464.204
Trình độ văn hóa: Cao học
Trình độ chuyên môn: Tài chính - Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- 1993 – 1996	<i>Thư ký tại Mekong Corporation</i>
- 1996 – 2007	<i>Phụ trách Phòng Mua hàng tại Công ty Shell Gas Việt Nam</i>
- 2007 - 10/2012	<i>Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T</i>
- 6/2011 – 02/01/2014	<i>Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An</i>
- 10/2012 – Nay	<i>Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T</i>
- 19/1/2013 – Nay	<i>Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T</i>
Chức vụ hiện nay:	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	808.396 cổ phần, chiếm 0,9061% vốn điều lệ
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân:	808.396 cổ phần, chiếm 0,9061% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phần (tương ứng 0% vốn điều lệ)
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không có

❖ Bà Trần Thị Mai Hương - Kế toán trưởng

Họ và tên:	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	08/07/1978
Nơi sinh:	Đông Anh, Hà Nội
	011943454 Ngày cấp: 28/01/2005 Nơi cấp: Hà Nội
CMND:	Nội
Quốc tịch:	Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Dục Tú, Đông Anh, Hà nội
Địa chỉ thường trú:	Hải Bối, Đông Anh, Hà nội
Điện thoại:	0989.655.051
Trình độ văn hóa:	Đại học
Trình độ chuyên môn:	Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
2001 - 2004:	<i>Kế toán tại Công ty Phụ tùng Đông Anh</i>
2004 - 2009:	<i>Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng tại Tập đoàn Goldsun</i>
2009 - nay:	<i>Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư F.I.T</i>
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng tại Công ty CP Đầu tư F.I.T
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	23.625 cổ phần, chiếm 0,0625% vốn điều lệ
Trong đó:	
+ Sở hữu cá nhân:	<i>23.625 cổ phần (tương ứng 0,0625% vốn điều lệ)</i>
+ Được ủy quyền đại diện:	<i>0 cổ phần (tương ứng 0,00% vốn điều lệ)</i>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không

b. Thay đổi trong ban điều hành

Trong năm 2013, F.I.T không có thay đổi nhân sự trong ban điều hành.

c. Số lượng cán bộ nhân viên

Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2014, tổng số lao động trong Công ty là 32 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 3: Tình hình lao động trong Công ty

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	32
▪ Nam	15
▪ Nữ	17
Phân theo trình độ học vấn	32
▪ Trình độ đại học và trên đại học	26
▪ Trình độ cao đẳng và trung cấp	3
▪ Đối tượng khác	3

Chính sách đối với người lao động

- Xây dựng đội ngũ; luôn cải thiện môi trường làm việc, quy tụ, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn kết; có trình độ nhiệt tình; làm việc có hiệu quả; tạo dựng được văn hóa mang bản sắc F.I.T và ngày càng chuyên nghiệp.
- Luôn chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ lao động chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công ty và xã hội.
- Song song với công tác xây dựng đội ngũ và đào tạo cán bộ, F.I.T luôn chú trọng đến việc đa dạng hóa đội ngũ nhân lực trẻ, có khả năng kế thừa và tiếp quản, điều hành công việc, đồng thời xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động nhằm thu hút nguồn lao động có chất lượng đến làm việc và gắn bó với F.I.T.

4. Danh sách các công ty con, công ty liên kết hiện F.I.T đang nắm giữ cổ phần chi phối.

❖ Công ty con:

▪ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam

- Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà Center Building (Hapulico Complex), số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu và phân phối nông, lâm sản, thực phẩm, đồ uống, kinh doanh thương mại.
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106567335 đăng ký lần đầu ngày 10/06/2014 và thay đổi lần thứ 1 ngày 20/10/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 100% (tại thời điểm 31/12/2014).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 50.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2014).

▪ Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ

- Địa chỉ: Số 1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
- Ngành nghề kinh doanh: Nhập khẩu kinh doanh phân bón các loại; thu mua, gia công, chế biến, cung ứng xuất khẩu gạo và các loại nông sản; nhập khẩu, kinh doanh máy móc thiết bị và tư liệu sản xuất phục vụ nông nghiệp...
- Vốn điều lệ: 158.129.150.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 9 ngày 02/12/2014 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 65,01% (tại thời điểm 31/12/2014).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 102.805.000.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2014).

❖ Công ty liên kết

▪ Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và dịch vụ Sao Nam

- Địa chỉ: Số 10, Phố Nguyễn Chính, Phường Tân Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh: Xuất nhập khẩu và phân phối các sản phẩm mỹ phẩm và chăm sóc cá nhân.
- Vốn điều lệ: 17.500.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104344157 đăng ký lần đầu ngày 22/12/2009 và thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 1 năm 2015 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 21,19% (tại thời điểm 31/12/2014).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 3.707.580.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2014).

▪ Công ty Cổ phần Today Cosmetics (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Minh Hào Việt Nam).

- Địa chỉ: Lô 26, Đường số 9, Khu Công nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- Ngành nghề kinh doanh: Chuyên sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng.
- Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1101403543 đăng ký lần đầu ngày 23/9/2011 và thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 10 năm 2014 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Long An cấp.
- Tỷ lệ nắm giữ của F.I.T: 49% (tại thời điểm 31/12/2014).
- Giá trị nắm giữ của F.I.T (theo mệnh giá): 17.150.000.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2014).

5. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính 2013 - 2014

Chỉ tiêu	Năm 2013 (VND)	Năm 2014 (VND)	% Tăng/ giảm của năm 2014 so với 2013
Tổng giá trị tài sản	232.254.889.545	992.415.646.746	327,30%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.415.123.592	244.377.715.446	553,15%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.759.501.001	79.595.801.184	348,19%
Doanh thu hoạt động tài chính	198.800.461.158	142.989.271.709	(28,07%)
Chi phí tài chính	164.316.951.809	6.668.098.087	(95,94%)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.660.670.881	182.830.112.827	309,38%
Lợi nhuận khác	1.248.488.904	(376.178.240)	(130,13%)
Lợi nhuận trước thuế	45.909.159.785	181.106.630.078	294,49%
Lợi nhuận sau thuế	34.342.620.672	146.031.556.621	325,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	91,72%	51,36%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

c. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 5: Hệ số tài chính năm 2013 - 2014

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,07	3,32
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	3,20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	16,70%	20,44%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	20,04%	30,70%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	%	19,34%	36,99%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	16,11%	24,62%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	91,79%	59,76%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,44%	22,11%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,79%	14,71%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	119,37%	74,81%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/CP	2.181	4.115

6. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu

a. Cổ phần

Chỉ tiêu	Nội dung
Tên Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T
Loại Cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã Cổ phiếu	FIT
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	87.499.989 CP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

b. Cơ cấu cổ đông

Bảng 6: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 02/03/2015

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	3.294	81.119.967	811.199.670.000	90,93%
1	Cổ đông tổ chức	20	16.763.541	167.635.410.000	18,79%
	<i>Trong đó: Nhà nước</i>	0	-	-	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	3.294	64.356.426	643.564.260.000	72,14%
II	Cổ đông nước ngoài	15	8.092.521	80.925.210.000	9,07%
1	Cổ đông tổ chức	1	8.028.386	80.283.860.000	9,00%
2	Cổ đông cá nhân	14	64.135	641.350.000	0,07%
	Tổng cộng	3.309	89.212.488	892.124.880.000	100,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của F.I.T do VSD chốt tại ngày 02/03/2015)

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi thành lập, F.I.T đã trải qua 03 lần tăng vốn. Cụ thể:

▪ **Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 110 tỷ đồng**

✓ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 27/01/2011
- + Số lượng cổ đông: 33
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 1:1
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Ngày phát hành: 22/03/2011
- + Số lượng phát hành: 3.500.000 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

✓ **Phát hành cho nhà đầu tư là đối tác chiến lược**

- + Ngày phát hành: 22/03/2011
- + Số lượng đối tác chiến lược: 3
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần
- + Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

▪ **Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 110 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng**

✓ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 03/01/2012
- + Số lượng cổ đông: 39
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 11:4
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Ngày phát hành: 10/02/2012
- + Số lượng phát hành: 4.000.000 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T đã được chấp thuận trở thành công ty đại chúng từ ngày 08/03/2013 theo Công văn số 824/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

▪ **Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 157,5 tỷ đồng**

✓ **Trả cổ tức năm 2012 bằng cổ phiếu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 23/09/2013
- + Số lượng cổ đông: 238
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 20:1
- + Ngày phát hành: 20/12/2013
- + Số lượng phát hành: 750.000 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

▪ **Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 157.500.000.000 đồng lên 346.499.960.000 đồng**

✓ **Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 28/03/2014
- + Số lượng cổ đông: 849
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 5:1
- + Ngày phát hành: 16/04/2014
- + Số lượng phát hành: 3.149.999 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

✓ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 28/03/2014
- + Số lượng cổ đông: 763

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:65
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Ngày phát hành: 05/05/2014
- + Số lượng phát hành: 10.237.497 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ✓ **Phát hành cho nhà đầu tư là đối tác chiến lược**
 - + Ngày phát hành: 05/05/2014
 - + Số lượng đối tác chiến lược: 1
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần
 - + Số lượng phát hành: 4.725.0000 cổ phần
 - + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ✓ **Phát hành cho cán bộ công nhân viên**
 - + Ngày phát hành: 05/05/2014
 - + Số lượng CBCNV: 33
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - + Số lượng phát hành: 787.500 cổ phần
 - + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **Lần 5: Tăng vốn điều lệ từ 346.499.960.000 đồng lên 467.774.940.000 đồng**
 - ✓ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:**
 - + Ngày chốt danh sách cổ đông: 27/06/2014
 - + Số lượng cổ đông: 1.382
 - + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:60
 - + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - + Ngày phát hành: 01/08/2014
 - + Số lượng phát hành: 12.127.498 cổ phần
 - + Tổ chức trung gian: Không có
 - + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- **Lần 7: Tăng vốn điều lệ từ 467.774.940.000 đồng lên 499.999.940.000 đồng**
 - ✓ **Phát hành cho nhà đầu tư là đối tác chiến lược**
 - + Ngày phát hành: 06/11/2014
 - + Số lượng đối tác chiến lược: 2
 - + Giá phát hành: 12.000 đồng/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

- + Số lượng phát hành: 3.222.500 cổ phần
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

▪ **Lần 8: Tăng vốn điều lệ từ 499.999.940.000 đồng lên 892.124.880.000 đồng**

✓ **Tạm ứng cổ tức năm 2014 bằng cổ phiếu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 07/01/2015
- + Số lượng cổ đông: 2.370
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:15
- + Ngày phát hành: 16/01/2015
- + Số lượng phát hành: 7.499.999 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

✓ **Phát hành cho cổ đông hiện hữu:**

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 07/01/2015
- + Số lượng cổ đông: 2.130
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 100:60
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Ngày phát hành: 07/02/2015
- + Số lượng phát hành: 29.999.996 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

✓ **Phát hành cho cán bộ công nhân viên (đợt 1 năm 2015)**

- + Ngày phát hành: 06/01/2015
- + Số lượng CBCNV: 39
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- + Số lượng phát hành: 1.712.499 cổ phần
- + Cơ quan chấp thuận: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có giao dịch cổ phiếu Quỹ trong năm 2013

e. Các chứng chỉ khác

Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2014, nhờ khai thác mảng dịch vụ mới và hiện thực hóa một số khoản đầu tư ngắn hạn, doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh 553,15% so với năm trước, đạt trên 244 tỷ đồng, trong khi tổng tài sản cũng tăng mạnh 327,3%.

Về hoạt động tài chính năm 2014, Công ty tiếp tục giảm dần doanh thu tài chính từ các hợp đồng hợp tác đầu tư hưởng lãi suất cố định, đồng thời định hướng tập trung hoạt động đầu tư vào các công ty liên kết đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối hàng tiêu dùng, thực phẩm,... và bắt đầu ghi nhận doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động này khi các công ty đối tác bắt đầu phân phối lợi nhuận từ năm 2014 (hiện tại lợi nhuận tại các Công ty liên kết đang được giữ lại để tái đầu tư mở rộng sản xuất).

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Trong năm 2014, tài sản của công ty đã có biến động lớn. Tổng tài đầu năm là 232 tỷ đồng, tài sản cuối năm là 992 tỉ. Tổng tài sản tăng mạnh tới 760 tỷ. Cơ cấu tài sản cuối năm là 30% tài sản dài hạn, 70% tài sản ngắn hạn trong đó lượng tiền mặt công ty đang nắm giữ khá cao nhằm chuẩn bị sẵn sàng cho các cơ hội tiềm năng trong năm 2015.

b. Tình hình nợ phải trả

Đến cuối năm 2014, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán một số khoản nợ phải trả lớn. Tổng nợ cuối năm là 202,8 tỉ đồng, tăng khá nhiều so với tổng nợ đầu năm (38 tỉ đồng) tuy nhiên tỉ lệ nợ trên tổng tài sản chỉ xấp xỉ 21%. Công ty cho rằng cơ cấu nợ tại thời điểm cuối năm 2014 rất phù hợp với mục tiêu của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp (Ban Giám đốc gồm có Tổng giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung). Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

4. Kế hoạch phát triển tương lai

- Dựa trên các động thái của chính phủ trong việc điều hành kinh tế vĩ mô trong năm 2014, Ban Giám đốc F.I.T nhận định chính phủ sẽ tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, duy trì lãi suất ở mặt bằng hiện tại, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận được vốn với chi phí thấp. Hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tiếp đà hồi phục. Thị trường bất động sản được dự báo sẽ ấm trở lại lên. Thị trường tài chính, chứng khoán sẽ duy trì mức tăng trưởng ổn định. Công ty F.I.T sẽ tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh truyền thống là đầu tư cổ phiếu, dịch vụ tài chính cá nhân, kinh doanh bất động sản. FIT sẽ chú trọng phát triển mảng dịch vụ tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn M&A, tìm kiếm các đối tác chiến lược phù hợp để phát huy tối đa sức mạnh cho các khách hàng doanh nghiệp.
- Đối với mảng đầu tư, FIT sẽ giảm tỷ trọng đầu tư ngắn hạn và tăng tỷ trọng đầu tư dài hạn để nắm giữ, kiểm soát và xây dựng phát triển các Công ty con/ Công ty liên kết. Trong năm 2015, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào các Công ty liên kết trong lĩnh vực hàng tiêu dùng như Sao Nam đẩy mạnh tái cơ cấu Công ty CP Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, đầu tư chiều sâu vào lĩnh vực Dược và cụ thể là Công ty Dược Cửu Long. Ngoài ra FIT sẽ luôn tìm kiếm các cơ hội tiềm năng khác. FIT sẽ tập trung đầu tư vào các Công ty có khả năng tăng trưởng cao thuộc các ngành hàng phát triển. Năm 2015 sẽ là cơ hội để FIT thực hiện được những dự án M&A tiềm năng với chi phí hợp lý và là trụ cột đóng góp vào lợi nhuận cho FIT trong các năm tiếp theo.
- FIT sẽ tập trung đầu tư vào các Công ty có khả năng tăng trưởng cao thuộc các ngành hàng phát triển. FIT đầu tư vào các công ty khởi nghiệp có ý tưởng kinh doanh độc đáo và tiềm năng phát triển. FIT lựa chọn các Công ty có quy mô vốn trung bình, có nền tảng hoạt động tốt và tiềm năng, tham gia góp vốn và tái cấu trúc Công ty sau đó sẽ thực hiện niêm yết hoặc bán cho đối tác để thu hồi vốn và lợi nhuận. Ngoài ra FIT sẽ tìm kiếm cơ hội M&A với các Công ty tốt, quy mô lớn đang trên đà phát triển và sẽ cùng xây dựng Công ty đó thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động.
- Tham vọng của FIT là các Công ty con/ Công ty liên kết không chỉ cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa mà sẽ vươn xa đưa các sản phẩm của Việt Nam ra thị trường quốc tế và trở thành những thương hiệu nổi tiếng trên thế giới

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2014, kinh tế Việt Nam tuy còn nhiều khó khăn nhưng đã có các điểm sáng tích cực. Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định, chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát ở mức thấp. Trong bối cảnh đó, thị trường tài chính có những bước hồi phục và phát triển trở lại. Căn cứ vào các nhận định như trên, Ban Giám đốc F.I.T đã có các định hướng đúng đắn, phù hợp và được triển khai ngay từ đầu năm. Dựa trên nguồn lực sẵn có và huy động từ bên ngoài, F.I.T đã tận dụng tốt lợi thế là doanh nghiệp hàng đầu về tư vấn và đầu tư trên thị trường tài chính nên đã đạt được những thành quả khích lệ với tổng doanh thu đạt 247,7 tỷ đồng, LN trước thuế đạt 181,1 tỷ đồng, LN sau thuế đạt 146,03 tỷ đồng, vượt xa kế hoạch đề ra. Kết quả trên đánh dấu một bước ngoặt lớn với FIT và khẳng định sự phát triển vững chắc của FIT trong tương lai.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc

Trong năm 2014, Ban Giám đốc của công ty đã có các hành động phù hợp và kịp thời để đảm bảo hoạt động của công ty theo đúng các kế hoạch do hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT

Mục tiêu: FIT trở thành Tập đoàn Đầu tư hoạt động hiệu quả, đóng góp xây dựng giá trị cho cổ đông, tạo dựng nên thương hiệu FIT thông qua chuỗi các sản phẩm tư vấn đầu tư đa dạng, danh mục đầu tư chất lượng, nhân sự chuyên nghiệp

Chiến lược:

- Cơ cấu tài sản hợp lý và linh hoạt
- Tiếp tục phát triển bộ phận Tài chính quản lý vốn chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả
- Tiếp tục phát triển tư vấn nguồn vốn
- Quản trị tốt các Công ty con, công ty liên kết
- Tìm kiếm cơ hội và đẩy mạnh đầu tư vào các doanh nghiệp tiềm năng chưa niêm yết
- Duy trì mảng kinh doanh Bất động sản một cách hiệu quả, an toàn
- Dịch vụ chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp
- Hệ thống kế toán chuyên nghiệp, Báo cáo nhanh
- Hành chính nhân sự chuyên nghiệp bài bản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên HĐQT

Bảng 7: Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Trung Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Công Sinh	Thành viên HĐQT
4	Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT
5	Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Văn Sang	Thành viên HĐQT
7	Ngô Anh Sơn	Thành viên HĐQT

b. Cơ cấu thành viên HĐQT

Bảng 8: Cơ cấu thành viên HĐQT

STT	Danh sách	Tỷ lệ %/ VDL	Chức danh nắm giữ ở các công ty khác
I	Thành viên HĐQT Độc lập		
1	Phạm Công Sinh	0%	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và dịch vụ Sao Nam
II	Thành viên HĐQT khác		
1	Phan Trung Phương	2,7978%	
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	0,9601%	
3	Bùi Thanh Hương	0,0514%	
4	Phan Minh Sáng		
	Nguyễn Văn Sang	3,3804%	
	Ngô Anh Sơn	0	TGĐ Cty CK Đại Nam

c. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã thành lập Hội đồng đầu tư ngày 23/01/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hiện nay, một thành viên HĐQT FIT đồng thời là thành viên Ban Tổng Giám đốc (Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt kiêm Tổng Giám đốc) nên việc báo cáo, cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cho HĐQT thuận lợi. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát của của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc cũng được thực hiện qua Báo cáo hoạt động của TGD gửi các thành viên HĐQT hàng tháng.

e. Các cuộc họp của HĐQT:

Bảng 9: Các cuộc họp HĐQT năm 2014

TT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2014/NQ-ĐHCDBT/FIT	18/01/2014	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2014, QĐ thông qua việc điều chỉnh tăng kế hoạch kinh doanh năm 2013 và thông qua chiến lược kinh doanh năm 2014
2	03/2014/NQ-HĐQT/ FIT	27/1/2014	Báo cáo tình hình quản trị Công ty
3	04/2014/NQ-HĐQT/FIT	10/02/2014	Thông qua tiêu chuẩn và danh sách CBNV được tham gia chương trình trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014
4	05/2014/NQ-HĐQT/FIT	12/02/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v Thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ 2014
5	06/2014/NQ-HĐQT/FIT	17/02/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v Thông qua một số nội dung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2014
6	07/2014/NQ-HĐQT/FIT	17/02/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v đăng ký mở tài khoản phong tỏa tại ngân hàng
7	08/2014/NQ-HĐQT/FIT	18/02/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
8	09/2014/NQ-HĐQT/FIT	06/03/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ 2014
9	10/2014/NQ-HĐQT/FIT	07/03/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014
10	11/2014/NQ-HĐQT/FIT	29/03/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thay đổi số tài khoản phong tỏa tại ngân hàng
11	12/2014/NQ-HĐQT/FIT	02/04/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Tổng Giám đốc ký Hợp đồng bảo lãnh phát hành với MBS
12	13/2014/NQ-HĐQT/FIT	11/04/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua kết quả phát hành và làm tròn số cổ phiếu lẻ
13	14/2014/NQ-HĐQT/FIT	05/05/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu chưa chào bán hết

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

14	14.1/2014/NQ-HĐQT/FIT	02/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua một số nội dung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2014 (đợt 2)
15	15/2014/NQ-HĐQT/FIT	02/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v tiếp tục triển khai đợt 2 của việc chào bán cổ phiếu ra công chúng và đối tác chiến lược
16	16/2014/NQ-HĐQT/FIT	02/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thay đổi - bổ nhiệm thành viên mới Hội đồng Đầu tư
17	17/2014/NQ-HĐQT/FIT	02/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v Nghị quyết của HĐQT v/v thay đổi đăng ký kinh doanh : thay đổi trụ sở chính Công ty
18	18/2014/NQ-HĐQT/FIT	03/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thay đổi đăng ký kinh doanh: tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh
19	19/2014/NQ-HĐQT/FIT	03/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v bán cổ phiếu quỹ
20	20/2014/NQ-HĐQT	04/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thành lập Cty TNHH một thành viên trực thuộc công ty
21	21/2014/NQ-HĐQT/FIT	10/06/2014	Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua hồ sơ phát hành lần 2: điều chỉnh số lượng cổ phiếu
22	22/2014/NQ-HĐQT/FIT	08/07/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt ký HD tư vấn phát hành FIT-MBS
23	23/2014/NQ-HĐQT/FIT	21/07/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v góp vốn đầu tư vào công ty CP Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ
24	24/2014/FIT- HĐQT/FIT	29/07/2014	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2014
25	25/2014/NQ-HĐQT/FIT	31/07/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v xử lý cổ phiếu chưa chào bán hết và cổ phiếu lẻ đợt 2 năm 2014
26	26/2014/NQ-HĐQT/FIT	23/09/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v thay đổi nội dung DKKD
27	27/2014/NQ-HĐQT/FIT	10/10/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/ bổ sung ngành nghề cho Công ty trực thuộc - Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương Mại FIT Việt Nam
28	28/2014/NQ-HĐQT/FIT	16/10/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2014 (đợt 1)
29	29/2014/NQ-HĐQT/FIT	16/10/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v tiêu chí và danh sách lựa chọn đối tượng được chào bán riêng lẻ trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2014 (đợt 2)
30	30/2014/NQ-HĐQT/FIT	13/11/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v đầu tư chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

31	31/2014/NQ-HĐQT/FIT	20/11/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v Thông qua một số nội dung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015
32	31.-1/2014/NQ-HĐQT/FIT	20/11/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/Đính chính nội dung nghị quyết: Thông qua một số nội dung về đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015
33	32/2014/NQ-HĐQT/FIT	20/11/2014	-Nghị quyết của HĐQT v/ Thông qua đối tượng và tiêu chuẩn cán bộ công nhân viên được tham gia chương trình trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2015
34	33/2014/NQ-HĐQT/FIT	20/11/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng
35	34/2014/NQ-HĐQT/FIT	20/11/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v sử dụng tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng
36	35/2014/NQ-HĐQT/FIT	10/12/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v thông qua danh sách CBNV được tham gia chương trình trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ năm 2015
37	36/2014/NQ-HĐQT/FIT	23/12/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v Thay đổi đăng ký kinh doanh - tăng vốn điều lệ
38	37/2014/NQ-HĐQT/FIT	30/12/2014	- Nghị quyết của HĐQT v/v điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2014 (đợt 2)

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hiện HĐQT có 01 thành viên độc lập là ông Phạm Công Sinh. Ông Phạm Công Sinh có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, đã từng giữ chức vụ quan trọng ở tổ chức quốc tế lớn như Công ty Procter & Gamble Co. Ltd. Viet Nam (P&G Vietnam). Các thành viên HĐQT độc lập đã đóng góp tích cực vào xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch hoạt động của Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ninh Việt Tiến	- Trưởng Ban Kiểm soát
Lưu Đức Quang	- Thành viên Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Thanh Thúy	- Thành viên Ban Kiểm soát

b. Cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

Bảng 10: Danh sách thành viên BKS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Danh sách	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1	Ninh Việt Tiến	71.789	0.0805%	Không có
2	Lưu Đức Quang	0	0%	Không có
3	Nguyễn Thị Thanh Thúy	0	%	Không có

c. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Đầu tư FIT (F.I.T) đã tập trung thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các lĩnh vực trọng yếu sau:

Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra các báo cáo tài chính quý, báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu 6 tháng, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán về các số liệu tài chính cũng như thời gian hoàn thành việc lập báo cáo;

Kiểm soát hoạt động: đánh giá việc quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh, kiểm tra, đánh giá các quy trình làm việc của các bộ phận và việc tuân thủ quy trình.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thực hiện theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã thông qua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ tính đến thời điểm 31/12/2014.

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
I	Phan Trung Phương		Chủ tịch HĐQT	P1411, 18T2 Trung Hòa, Nhân Chính, Hà Nội	012928626	12/01/2007	Hà Nội	2.170.462	4,34 %	005C007766 và 080C161366
	Phan Thế Phá	Bố		Thụy Ninh, Thái Thụy Thái Bình	150116231	03/11/2007	Thái Bình	0		Không có
	Đỗ Thị Nguyễn	Mẹ		Thụy Ninh, Thái Thụy Thái Bình	150075966	08/07/2010	Thái Bình	0		Không có
	Phạm Thị Nhung	Vợ		Phòng 1411, 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	012928627	12/01/2007	Hà Nội	0		032C-7777 080C-161361
	Phan Hoàng Tùng	Con trai		Phòng 1411, 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội				0		Không có
	Phan An Hạ	Con gái		Phòng 1411, 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội				0		Không có
	Phan Thị Hiền	Chị gái		Thụy Ninh, Thái Thụy Thái Bình	150853876	16/05/1983	Thái Bình	0		Không có
	Phan Thị Hòa	Chị gái		Thụy Ninh, Thái Thụy Thái Bình	150899572	07/06/1984	Thái Bình	0		Không có
	Phan Thị Thu Hằng	Em gái		Xã Keo lôm, huyện Điện biên đông, Tỉnh Điện Biên	040385948	14/09/2007	Điện Biên	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Phan Trùng Dương	Em trai		Số 7 Ngõ 27 Vạn Bảo, Ba Đình, Hà Nội	013206344	09/06/2009	Hà nội	0		030C-993326
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT		Số 10 Đường Hải Thượng Lãn Ông, Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	2901365666	18/03/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	0		080C-166868
	Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thành viên HĐQT		Số 45 Phố Hàng Chuối - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội	0102137109	15/06/2011 cấp lần 3	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	0		005C-032710
	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Thành viên HĐQT		Số 1D, Phạm Ngũ Lão, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	1800518314	16/10/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ	0		009C074979
2	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	P505 nhà 21, phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	011490956	26/02/2007	Hà Nội	659.475	1,32 %	005C001507
	Hoàng Văn Hòa	Chồng		505 nhà 21 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội	010066908	21/09/2009	Hà Nội	0		Không có
	Hoàng Minh Tâm	Con		505 nhà 21 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội	013423547	23/06/2011	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Hoàng Hạnh Minh	Con		505 nhà 21 Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội				0		Không có
	Nguyễn Văn Cháp	Bố		Tổ 10 Tương Mai, Hoàng Mai, Hà nội	042042000002	01/02/2013	Cục CS QLHC về TTXH	0		Không có
	Đỗ Thị Đình	Mẹ (Đã mất)						0		Không có
	Nguyễn Thị Thu Nga	Em		29 ngõ 279, Giảng Võ, Đống Đa, Hà nội	001172000159	14/01/2013	Cục CS QLHC về TTXH	0		005C002859
	Nguyễn Xuân Hoàng	Em		Tổ 10 Tương Mai, Hoàng Mai, Hà nội	011719120	28/09/2011	Hà Nội	0		005C322288
	Nguyễn Duy Thanh	Em		Tổ 10 Tương Mai, Hoàng Mai, Hà nội	001084000300	21/02/2013	Cục CS QLHC về TTXH	0		Không có
	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nghệ An	Chủ tịch HĐQT		Số 10 Đường Hải Thượng Lãn Ông, Xã Hưng Lộc, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An	2901365666	18/03/2011	Sở Kế hoạch Đầu tư Nghệ An	0		080C-166868

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp	Thành viên HĐQT		Số 1D, Phạm Ngũ Lão, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	1800518314	16/10/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ	0		009C074979
3	Phạm Công Sinh		Thành viên HĐQT	Số 39 tổ 9, P.Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	013005208	28/08/2007	Hà Nội	0	0%	Không có
	Lê Thị Hương	Vợ		39 tổ 9, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	012987412	12/07/2007	Hà Nội	0		Không có
	Phạm Anh Minh	Con		39 tổ 9, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội				0		Không có
	Phạm Công Sơn	Con		39 tổ 9, Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội				0		Không có
	Phạm Công Lật	Bố		Hưng Quan, Trọng Quan, Đông Hưng, Thái Bình	151690899	22/08/2011	Thái Bình	0		Không có
	Nguyễn Thị Tình	Mẹ		Hưng Quan, Trọng Quan, Đông Hưng, Thái Bình	150666003	29/09/2011	Thái Bình	0		Không có
	Phạm Thị Lan	Em		Hưng Quan, Trọng Quan, Đông Hưng, Thái Bình	151654506	21/05/2003	Thái Bình	0		Không có
	Phạm Thị Nhung	Em		Số 4, tổ 10 Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	013272371	06/02/2010	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và dịch vụ Sao Nam	Chủ tịch HĐQT		Số 10 Nguyễn Chính, Hoàng Mai, Hà Nội	0104344157	Đăng ký lần đầu 22/12/2009, thay đổi lần 1 ngày 16/4/2010	Hà Nội	0		Không có
4	Bùi Thanh Hương		Thành viên HĐQT	17/875 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011532410	29/01/2011	Hà Nội	26.223	0,05 %	080C161618
	Nguyễn Nhật Sương	Con		17/875 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	013155088	04/02/2009	Hà Nội	0		Không có
	Nguyễn Nhật Ánh	Con		17/875 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội				0		Không có
	Nguyễn Nhật Hạ	Con		17/875 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội				0		Không có
	Bùi Thanh Tùng	Bố (đã mất)						0		Không có
	Nguyễn Thị Thuận	Mẹ		22 Ngô Sĩ Liên, Đống Đa, Hà nội	011038109	22/07/2008	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Bùi Thanh Bạch	Anh		6955 125a street 69 Avenue, Vancouver, Canada	WG049233 Canadian	30/10/2010	Vancouver, Canada	0		Không có
	Bùi Thanh Tân	Anh		22 Ngõ Sĩ Liên, Đống Đa, Hà nội	012045372	21/05/2009	Hà Nội	0		Không có
	Bùi Thị Thanh Hằng	Chị		22 Ngõ Sĩ Liên	010235329	05/10/2010	Hà Nội	0		Không có
	Bùi Thị Thanh Huyền	Chị		22 Ngõ Sĩ Liên	010235328	12/02/2007	Hà Nội	0		Không có
	Công ty TNHH TM Thăng Long Hà nội	Phó Giám đốc		7/873 Hồng Hà, Hoàn Kiếm, Hà nội	0101352093	Đăng ký lần đầu ngày 03/04/2003 thay đổi lần 8 ngày 12/12/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	0		Không có
5	Dương Minh Tú		Thành viên HĐQT	11 Trần Phú , P. Điện Biên, Q. Ba Đình, Hà Nội	011466424	24/3/2005	Hà Nội	5.000	0,000 1%	005C026679
	Nguyễn Kim Thư	Vợ		11 Trần Phú , P. Điện Biên, Q. Ba Đình, Hà Nội	011871636	19/04/2010	Hà Nội	0		Không có
	Dương Minh Thắng	Con		11 Trần Phú, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Hà nội				0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Dương Tú Quỳnh	Con		11 Trần Phú, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Hà nội				0		Không có
	Dương Minh Phúc	Bố		46/29 cư xá lữ gia, F15, Q11, TPHCM	011292747	03/09/1999	Hà Nội	0		Không có
	Phạm Thị Nhung	Mẹ		46/29 cư xá lữ gia, F15, Q11, TPHCM	024274429	12/07/2004	Hồ Chí Minh	0		Không có
	Dương Minh Tuấn	Anh		46/29 cư xá lữ gia, F15, Q11, TPHCM	025527729	01/12/2011	Hồ Chí Minh	0		Không có
	Dương Minh Hiền	Chị		Số 84 Đường số 3 cư xá lữ gia F15,Q11,TPHCM	023621694	15/5/2008	Hồ Chí Minh	0		Không có
	Công ty TNHH Thương mại FAF Việt nam	Giám đốc		11 Trần Phú, P.Điện Biên, Q.Ba Đình, Hà nội	0105427818	28/07/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	0		Không có
6	Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT		012750482	13/01/2005	CA Hà Nội	T2-04, Khu đô thị Ciputra, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	
	Phan Minh Sơn	Không có						0		Cha (đã mất)
	Lương Thị Sen	Không có	Không có	150259931	15/05/2006	CA Thái Bình			0%	Mẹ
	Trần Thị Lan Hương	Không có	Không có	012015363	25/12/2000	CA Hà Nội	T2-04, Khu đô thị Ciputra, xã Xuân	0	0%	Vợ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
							Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội			
	Phan Hà Chi		Không có	Còn nhỏ			T2-04, Khu đô thị Ciputra, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
	Phan Trần Minh Khôi		Không có	Còn nhỏ			T2-04, Khu đô thị Ciputra, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	0	0%	Con
	Phan Thị Lan	Không có	Không có	012906459	02/07/2009	CA Hà Nội		0	0%	Chị
	Phan Thị Soa	Không có	Không có	151372119	10/03/2014	CA Thái Bình		0	0%	Chị
	Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ Thuật Nông nghiệp	Thành viên HĐQT		Số 1D, Phạm Ngũ Lão, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ	1800518314	16/10/2014	Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ	0		009C074979
7	Ninh Việt Tiến		Trưởng BKS	P801 – Chung cư An Lạc – 38 Hoàng Ngân – Hà Nội	012564465	16/12/2002	Hà Nội	41.023	0,08 %	021C043903
	Nguyễn Lệ Thu	Vợ		P801 – Chung cư An Lạc – 38 Hoàng Ngân – Hà Nội	011639003	02/04/2003	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Ninh Viết Hoàng	Con		P801 – Chung cư An Lạc – 38 Hoàng Ngân – Hà Nội				0		Không có
	Ninh Hoàng Vy	Con		P801 – Chung cư An Lạc – 38 Hoàng Ngân – Hà Nội				0		Không có
	Ninh Viết Thái	Bố		P1108, C4, Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà nội	013112706	15/08/2008	Hà Nội	0		Không có
	Phạm Thị Chắt	Mẹ		P1108, C4, Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà nội	013112707	15/08/2008	Hà Nội	0		Không có
	Ninh Viết Đoàn	Em		29/93 Quang Trung, Nam Định	162898065	02/03/2012	Nam Định	0		Không có
	Ninh Thanh Xuân	Em		77/629 Giải Phóng, Giáp Bát, Hà nội	012733828	12/11/2004	Hà nội	0		Không có
	Ninh Thị Phương	Em		P806 CC11 tầng, Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà nội	013136448	20/12/2008	Hà Nội	0		Không có
8	Trần Thị Phương Thảo		Thành viên BKS	P604, tòa nhà A, 190 Nguyễn Tuân, HN	012321725	5/5/2000	Hà Nội	0	0%	003C104280
	Nguyễn Tô Duy	Chồng		P604, tòa nhà A, 190 Nguyễn Tuân, HN	011850463	21/05/2012	Hà Nội	0		000.1003241- Công ty CK VN Direct
	Nguyễn Trần Phương Anh	Con		P604, tòa nhà A, 190 Nguyễn Tuân, HN				0		Không có
	Nguyễn Duy Cường	Con		P604, tòa nhà A, 190 Nguyễn Tuân, HN				0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Trần Thúc Nhân	Bố		Tổ 26 cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, HN	012109359	06/05/1998	Hà Nội	0		Không có
	Phan Phương Lan	Mẹ		Tổ 26 cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, HN	012109358	07/02/2013	Hà Nội	0		Không có
	Trần Hưng Nguyên	Em trai		Tổ 26 cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, HN	012230791	14/05/1999	Hà Nội	0		Không có
9	Nguyễn Thị Hồng Anh		Thành viên ban kiểm soát	10B Tổ 9 Cụm 4 Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, HN	012915375	15/09/2006	Hà Nội	0	0%	Không có
	Trương Tú Tài	Chồng		10B Tổ 9 Cụm 4 Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, HN	011828115	07/12/2010	Hà Nội	0		Không có
	Trương Anh Đức	Con		10B Tổ 9 Cụm 4 Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, HN				0		Không có
	Trương Tiến Lộc	Con		10B Tổ 9 Cụm 4 Vạn Phúc Thượng, Cống Vị, Ba Đình, HN				0		Không có
	Nguyễn Đan Phượng	Bố (đã mất)						0		Không có
	Bùi Thị Phúc	Mẹ		K.Vĩnh Quang, P. Đông Vĩnh, TP. Vinh, Nghệ An	180209930	25/09/2012	Nghệ An	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Nguyễn Như Quỳnh	Em		Khối Vĩnh Quang, P.Đông Vĩnh, Vinh, Nghệ An	186197122	15/05/2002	Nghệ An	57.750	0,37%	005C329696
	Nguyễn Viết Dũng	Em		K.Vĩnh Quang, P. Đông Vĩnh, TP. Vinh, Nghệ An	186456198	31/07/2004	Nghệ An	0		Không có
10	Lưu Đức Quang			Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	011668254	22/03/2007	Hà Nội	0	0	
	Nguyễn Thị Sâm	Mẹ		Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội				0		Không có
	Tạ Thị Mai Anh	Vợ		Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội	012300774	23/02/2000	Hà Nội	0		Không có
	Lưu Thùy Anh	Con		Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội				0		Không có
	Lưu Thùy Minh	Con		Nhân Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội				0		Không có
11	Nguyễn Thị Thanh Thúy			95A Tổ 64 Linh Quang, Phường Văn Chương, Q. Đống Đa, Hà Nội	012889931	07/07/2006	Hà Nội	0		Không có
	Nguyễn Hữu Khang	Bố		Khu tập thể Cổng tiền trường sĩ quan chính trị quân sự Thành phố Bắc Ninh				0		Không có
	Nguyễn Thị Thịnh	Mẹ		Khu tập thể Cổng tiền trường sĩ quan chính trị				0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
				quân sự Thành phố Bắc Ninh						
	Nguyễn Việt Khoa	Anh trai		Khu tập thể Công ty trường sĩ quan chính trị quân sự Thành phố Bắc Ninh	125111426	04/02/2009	Bắc Ninh	0		Không có
	Nguyễn Thị Thu Thủy	Chị gái		Phòng 1708 nhà OCT1-DN1-X1 Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, Hà Nội	013016495	26/10/2007	Hà Nội	0		Không có
	Nguyễn Thanh Tùng	Chồng		324 ngõ 40 tổ 54 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	011844254	22/06/2006	Hà Nội	0		Không có
	Nguyễn Xuân Bách	Con		324 ngõ 40 tổ 54 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội				0		Không có
	Nguyễn Quang Minh	Con		324 ngõ 40 tổ 54 Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội				0		Không có
12	Trần Thị Mai Hương		Kế toán trưởng	Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	011943454	28/01/2005	Hà Nội	13.500	0,03 %	005C320807
	Bùi Tuấn Anh	Chồng		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	013199924	20/06/2009	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

STT	Họ & tên	Quan hệ nhân thân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Địa chỉ thường trú NCLQ	CMND/Hộ chiếu NCLQ	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)
	Bùi Tuấn Nghĩa	Con		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội				0		Không có
	Bùi Thu Huyền	Con		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội				0		Không có
	Đàm Thị Phương Vỹ	Mẹ		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	010495011	01/04/2010	Hà Nội	0		Không có
	Trần Văn Ngâm	Bố		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	011479934	16/10/2007	Hà Nội	0		Không có
	Trần Anh Tuấn	Em		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	011943455	01/04/2010	Hà Nội	0		Không có
	Trần Song Tùng	Em		Hải Bối, Đông Anh, Hà nội	012202092	19/03/1999	Hà Nội	0		Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ và các bên liên quan

<i>Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ</i>		<i>Số dư các bên liên quan tại ngày 31/12/2014</i>	
<i>Cung cấp dịch vụ</i>	<i>Số phát sinh</i>	<i>Số thanh toán</i>	<i>Số dư phải thu</i>
Công ty CP TM sản xuất và dịch vụ Sao Nam			
Gốc vay	10.000.000.000	2.500.000.000	20.551.632.350
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	1.369.661.219	1.330.188.988	72.715.883
Công ty CP Today Cosmetics			
Gốc vay	1.500.000.000	1.750.000.000	-
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	68.979.166	71.506.904	-

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Trung Phương	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó chủ tịch	
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên	
Ông Phạm Công Sinh	Thành viên	
Phan Minh Sáng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2014)
Ông Dương Minh Tú	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2014)

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc
---------------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ F.I.T - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

1. Số: 016/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05/02/2015, từ trang 03 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0517-2013-
156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2369-2013-
156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		702.365.294.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	208.465.681.019
1. Tiền	111		34.285.681.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		174.180.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	303.257.316.078
1. Đầu tư ngắn hạn	121		303.257.316.078
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		118.284.745.145
1. Phải thu khách hàng	131	6	114.024.171.633
2. Trả trước cho người bán	132	7	9.650.244.600
3. Các khoản phải thu khác	135	8	9.175.149.574
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.564.820.662)
IV. Hàng tồn kho	140	9	62.601.694.541
1. Hàng tồn kho	141		62.601.694.541
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.755.858.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.796.040.426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.849.661.271
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	154		128.107.709
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		982.048.650
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260+269)	200		290.050.351.907
I. Tài sản cố định	220		168.487.605.483
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	113.556.353.264
- Nguyên giá	222		182.314.294.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.757.940.963)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	45.440.907.699
- Nguyên giá	228		46.367.734.849
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.827.150)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	9.490.344.520
II. Bất động sản đầu tư	240	13	14.794.935.427
- Nguyên giá	241		15.781.667.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(986.732.285)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	46.986.185.491
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		28.037.695.491
2. Đầu tư dài hạn khác	258		18.948.490.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.363.594.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	29.127.745.896
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		924.773.917
3. Tài sản dài hạn khác	268		311.075.000
V. Lợi thế thương mại	269		29.418.030.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		992.415.646.746

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		202.807.209.607
I. Nợ ngắn hạn	310		201.952.573.847
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	104.627.847.552
2. Phải trả người bán	312	17	25.509.123.365
3. Người mua trả tiền trước	313		4.010.808.032
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	38.350.876.864
5. Phải trả người lao động	315		10.134.318.543
6. Chi phí phải trả	316		4.469.345.547
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	7.780.980.205
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.069.273.739
II. Nợ dài hạn	330		854.635.760
1. Phải trả dài hạn khác	333		135.132.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		561.081.226
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		158.422.534
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		660.600.044.697
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	660.600.044.697
1. Vốn điều lệ	411		499.999.940.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.260.716.800
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.520.895.078
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.734.552.567
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		141.083.940.252
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		129.008.392.442
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		992.415.646.746

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014
1. Ngoại tệ các loại	
- USD	195.906,77
- EURO	473,16

Vũ Thị Trà My

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

**Trần Thị Mai
Hương**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Minh
Nguyệt**

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		247.736.451.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.358.735.773
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	22	244.377.715.446
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	164.781.914.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		79.595.801.184
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	142.989.271.709
7. Chi phí tài chính	22	26	6.668.098.087
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		2.913.138.424
8. Chi phí bán hàng	24		13.713.173.354
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.373.688.625
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		182.830.112.827
11. Thu nhập khác	31		6.277.277.616
12. Chi phí khác	32		6.653.455.856
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40	27	(376.178.240)
14. Lãi/(Lỗ) của Công ty liên kết	45		(1.347.304.509)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		181.106.630.078
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	35.811.166.117
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(736.092.660)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		146.031.556.621
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			13.894.955.590
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ			132.136.601.031
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.115

Do Công ty xác định thời điểm mua Công ty con là ngày 30/09/2014, nên số liệu kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 30/09/2014 đến ngày 31/12/2014 của 3 Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty Cổ phần Nông dược TSC và Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây.

Vũ Thị Trà My

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2015

Trần Thị Mai

Hương
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Minh

Nguyệt
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
Đơn vị tính: VNĐ
Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Lợi nhuận trước thuế	1	181.106.630.078
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	2	4.068.124.935
Các khoản dự phòng	3	14.564.820.662
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(162.096.129.062)
Chi phí lãi vay	6	2.913.138.424
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	40.556.585.037
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(5.330.365.240)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(62.601.694.541)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	188.713.070.234
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(30.923.786.322)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.493.116.364)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.415.856.826)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(440.018.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(15.377.747.706)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	102.687.069.463
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(31.972.755.969)
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	30.804.467.622
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.997.827.646.664)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.709.618.516.801
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(154.731.344.556)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	72.675.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.598.657.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(357.835.105.336)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	326.894.966.800
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.220.256.419.510
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.108.737.348.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	438.414.037.773
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	183.266.001.900
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	25.199.679.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	208.465.681.019

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu trong năm không bao gồm phần vốn góp tăng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 31.499.990.000 đồng.

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ (Tiếp)

Do Công ty xác định thời điểm mua Công ty con là ngày 30/09/2014, nên số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các Công ty con bao gồm số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 30/09/2014 đến ngày 31/12/2014 của 3 Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, Công ty Cổ phần Nông dược TSC và Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2015

Trần Thị Mai

Hương

Kế toán trưởng

Ninh Thị

Phương

Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. THÔNG TIN KHẮT QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103016102 ngày 08/03/2007 và Giấy chứng nhận kinh doanh được thay đổi lần thứ 17 số 0102182140 ngày 25/12/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 17 ngày 25/12/2014 là 499.999.940.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 32 người (tại ngày 31/12/2013 là 47 người).

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty gồm:

Các Công ty con	Nơi thành lập, hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T	Hà Nội	100%	100%	Xuất nhập khẩu hàng hóa
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Cần Thơ	65,01%	65,01%	Kinh doanh sản phẩm Nông nghiệp

Các Công ty cháu (i)

Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Long An	51,13%	51,13%	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
Công ty Cổ phần Chế biến TPXK Miền Tây	Cần Thơ	62,05%	62,05%	Chế biến nông sản xuất khẩu

Ghi chú (i): Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu và tỷ lệ quyền biểu quyết của F.I.T trong các Công ty cháu được xác định theo tính chất bắc cầu thông qua giá trị đầu tư của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ đầu tư trực tiếp vào các Công ty cháu.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T gồm: Dịch vụ cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Các dịch vụ: bãi đỗ xe và các công trình công cộng; Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp (tư vấn M&A), tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn phát triển thị trường (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính); Tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý kinh doanh, tư vấn phát triển nguồn nhân lực (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); Dịch vụ môi giới bất động sản; Và các ngành nghề kinh doanh khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Mặc dù thời điểm Công ty chính thức sở hữu trên 51% cổ phiếu cũng như quyền biểu quyết và trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (công ty con) là ngày 19/09/2014, tuy nhiên, tại thời điểm 19/09/2014, công ty con không lập Báo cáo tài chính và do không có các giao dịch biến động trọng yếu cho giai đoạn từ ngày 19/09/2014 đến ngày 30/09/2014 nên Công ty xác định thời điểm mua là ngày 30/09/2014 khi lập báo cáo hợp nhất này.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ (Tiếp theo)

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các Công ty liên kết bao gồm: Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và Dịch vụ Sao Nam; Công ty Cổ phần Today Cosmetics.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty con, liên doanh liên kết và Công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Theo đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, các khoản đầu tư hưởng lãi cố định.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, giá trị bản quyền, phần mềm kế toán và các tài sản cố định vô hình khác.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Tại ngày 31/12/2014, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có cơ sở và thông tin để xác định giá hợp lý.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 - 46 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn khi vốn góp thực tế của Công ty tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền hợp tác đầu tư của các tổ chức, cá nhân.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014
	VND
Tiền mặt tại quỹ	125.002.787
Tiền gửi ngân hàng	34.160.678.232
Các khoản tương đương tiền (i)	174.180.000.000
	208.465.681.019

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn		303.257.316.078
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, trong đó:		37.739.290.000
- Đầu tư chứng khoán đã được niêm yết (i)	74.533	10.000
- Đầu tư chứng khoán chưa niêm yết (ii)	3.117.856	37.739.280.000
Đầu tư ngắn hạn khác		265.518.026.078
- Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng	-	43.420.000.000
- Đầu tư ngắn hạn khác (iii)	-	222.098.026.078
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-
		303.257.316.078

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Trong số lượng cổ phiếu niêm yết trên sàn tại ngày 31/12/2014, số lượng cổ phiếu thường là 74.532 cổ phiếu.
- (ii) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 31/12/2014 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.
- (iii) Đầu tư ngắn hạn khác là khoản đầu tư dưới hình thức Công ty thực hiện góp vốn trong hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân và tổ chức, thời hạn hợp tác đầu tư quy định trong hợp đồng là dưới 12 tháng và Công ty sẽ được hưởng một khoản lợi nhuận nhất định tính trên tỷ lệ % (phần trăm) của số vốn Công ty góp mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Bên nhận góp vốn.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 VND
Số dư khoản phải thu khách hàng tại các Công ty:	
Công ty CP Đầu tư F.I.T	34.299.375.824
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	10.681.815.579
Công ty CP Nông dược TSC	52.248.123.970
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	7.513.248.836
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	9.281.607.424
	114.024.171.633

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND
Số dư khoản trả trước tại các Công ty:	
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	87.500.000
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	3.272.349.740
Công ty CP Đầu tư F.I.T	4.210.988.343
Công ty CP Nông dược TSC	824.637.143
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	1.254.769.374
	9.650.244.600

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014 VND
Lãi dự thu	5.818.620.420
Phải thu khác	3.356.529.154
	9.175.149.574

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014
	VND
Hàng mua đang đi trên đường	7.051.436.246
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	25.486.798.375
Công cụ, dụng cụ trong kho	563.165.432
Thành phẩm	25.561.221.268
Hàng hoá	2.955.442.841
Hàng gửi bán	983.630.379
Cộng	62.601.694.541
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	62.601.694.541

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	6.138.782.420	-	2.117.210.000	31.809.091	-	8.287.801.511
Tăng trong năm	111.641.251.329	49.686.345.767	17.748.283.004	991.985.390	97.409.646	180.165.275.136
- Tăng do hợp nhất Công ty con	102.716.990.425	48.831.945.767	9.200.807.549	353.980.977	97.409.646	161.201.134.364
- Mua sắm mới	8.924.260.904	854.400.000	8.547.475.455	638.004.413	-	18.964.140.772
Giảm trong năm	(6.138.782.420)	-	-	-	-	(6.138.782.420)
- Thanh lý nhượng bán	(6.138.782.420)	-	-	-	-	(6.138.782.420)
Tại ngày 31/12/2014	111.641.251.329	49.686.345.767	19.865.493.004	1.023.794.481	97.409.646	182.314.294.227
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	264.243.682	-	876.289.711	4.303.919	-	1.144.837.312
- Khấu hao trong năm	1.209.413.322	1.202.275.906	715.736.572	20.616.364	-	3.148.042.164
- Tăng do hợp nhất Công ty con	33.575.206.004	25.138.141.527	5.648.152.829	279.548.833	97.409.646	64.738.458.839
- Thanh lý nhượng bán	(273.397.352)	-	-	-	-	(273.397.352)
Tại ngày 31/12/2014	34.775.465.656	26.340.417.433	7.240.179.112	304.469.116	97.409.646	68.757.940.963
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	76.865.785.673	23.345.928.334	12.625.313.892	719.325.365	-	113.556.353.264

Trong năm, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ 800m2 diện tích mặt sàn văn phòng tại toà nhà MIPEC cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội MIC theo hợp đồng số 01-01/2014-BDS/FIT-HĐKT ngày 17/01/2014. Trong đó, diện tích Công ty đang sử dụng là 200m2 (theo dõi trên khoản mục tài sản cố định hữu hình), diện tích Công ty đang cho thuê là 600m2 (theo dõi trên khoản mục bất động sản đầu tư)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất Công ty con	20.376.803.433	308.405.680	-	113.267.886	20.798.476.999
Mua sắm mới	5.250.557.850	20.200.000.000	118.700.000	-	25.569.257.850
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	20.508.405.680	118.700.000	113.267.886	46.367.734.849
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	505.000.000	153.584	-	505.153.584
Tăng do hợp nhất Công ty con	-	308.405.680	-	113.267.886	421.673.566
Tại ngày 31/12/2014	-	813.405.680	153.584	113.267.886	926.827.150
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	25.627.361.283	19.695.000.000	118.546.416	-	45.440.907.699

Quyền sử dụng đất của Công ty phần lớn là đất nông nghiệp tại Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ với thời hạn sử dụng là 25 năm. Theo quy định của pháp luật hiện hành về đất nông nghiệp, Công ty có quyền tiếp tục gia hạn thời hạn thuê đất nông nghiệp khi hết hạn. Ban Giám đốc dự định Công ty sẽ tiếp tục gia hạn thuê đất trong tương lai, do đó Công ty không trích khấu hao cho các tài sản này.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2014 VND
Chi phí mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	9.490.344.520
	9.490.344.520

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2014	30.603.405.574
- Thanh lý, nhượng bán (i)	(14.821.737.862)
Tại ngày 31/12/2014	15.781.667.712
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ	
Tại ngày 01/01/2014	806.542.762
- Trích khấu hao	414.929.187
- Thanh lý, nhượng bán	(234.739.664)
Tại ngày 31/12/2014	986.732.285
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2014	14.794.935.427

Ghi chú: (i) Trong năm, Công ty thực hiện thanh lý bất động sản đầu tư theo hình thức chuyển nhượng lại 600m2 diện tích mặt sàn đang cho thuê tại tòa nhà MIPEC cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội MIC, chi tiết tại Thuyết minh số 10 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		28.037.695.491
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết</i>		
Công ty CP TM sản xuất và DV Sao Nam	370.758	11.485.665.870
Công ty CP Today Cosmetics (tên mới của Công ty CP Minh Hào Việt Nam)	1.715.000	16.552.029.621
Đầu tư dài hạn khác (i)		18.948.490.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-
Cộng		46.986.185.491

Ghi chú:

- (i) Trong đó có khoản hợp tác đầu tư mua bất động sản với cá nhân. Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cho khoản mục này do chưa có cơ sở đánh giá sự suy giảm giá trị khoản đầu tư. Khoản hợp tác đầu tư này chưa đáo hạn theo hợp đồng.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty liên kết tại ngày 31/12/2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ quyền sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần TM sản xuất và DV Sao Nam	Hà Nội	21,186%	21,186%	Buôn bán hàng tiêu dùng
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Long An	49%	49%	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng...

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014
	VND
Tổng tài sản	160.820.375.808
Tổng công nợ	114.051.742.018
Tài sản thuần	46.768.633.790
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	18.833.280.571
	31/12/2014
	VND
Doanh thu	123.048.749.904
Lợi nhuận thuần	(409.648.706)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(324.878.729)

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014
	VND
Trả trước tiền thuê đất (tại Công ty CP Nông dược TSC)	27.453.878.886
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.673.867.010
	29.127.745.896

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn đến hạn trả	97.827.847.552
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	51.800.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	12.358.520.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	28.218.334.541
Vay cá nhân	5.450.993.011
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.800.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Cần Thơ	6.800.000.000
	104.627.847.552

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014 VND
Số dư khoản Phải trả người bán tại các Công ty:	
Công ty CP Nông dược TSC	11.925.436.982
Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	6.560.065.750
Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	1.042.450.375
Công ty CP Đầu tư F.I.T	981.589.227
Công ty CP Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	4.999.581.031
	25.509.123.365

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	355.384.915
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.899.727.027
Thuế thu nhập cá nhân	95.764.922
	38.350.876.864

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2014 VND
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	459.293.443
Công ty CP TM SX và dịch vụ Sao Nam (i)	6.500.000.000
Phải trả, phải nộp khác	821.686.762
	7.780.980.205

- (i) Là khoản trả trước của Công ty Cổ phần Thương mại sản xuất và Dịch vụ Sao Nam (Sao Nam) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán số 21/12/2012/HĐĐT/F.I.T ngày 21/12/2012. Theo đó, Sao Nam ủy quyền cho F.I.T tìm kiếm một công ty sản xuất hàng tiêu dùng tại Việt Nam để góp vốn đầu tư có thời hạn 05 năm. Công ty đang trong giai đoạn tìm kiếm đối tác đầu tư cho Sao Nam.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Đơn vị: VND						
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	157.500.000.000	-	(40.000)	200.000.000	-	35.779.693.332	193.479.653.332
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	146.031.556.621	146.031.556.621
Tăng vốn trong kỳ (i)	310.999.950.000	15.895.016.800	-	-	-	-	326.894.966.800
Giảm cổ tức phải trả 2011	-	-	-	-	-	12.469.372.500	12.469.372.500
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức (i)	31.499.990.000	-	-	-	-	(31.499.990.000)	-
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	-	686.852.413	-	(1.373.654.826)	(686.802.413)
Tăng/(Giảm) do hợp nhất Công ty con	-	-	-	1.634.042.665	1.734.552.567	(8.005.372.370)	(4.636.777.138)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(13.894.955.590)	(13.894.955.590)
Tăng/(Giảm) khác	-	(634.300.000)	40.000	-	-	1.577.290.585	943.030.585
Số dư tại ngày 31/12/2014	499.999.940.000	15.260.716.800	-	2.520.895.078	1.734.552.567	141.083.940.252	660.600.044.697

Ghi chú:

- i. Trong năm 2014, Công ty thực hiện tăng vốn theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/2014/NQ-HĐQT/FIT ngày 18/01/2014, và theo giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN-UBCK ngày 04/03/2014, Công ty đã tiến hành chào bán cổ phiếu trong năm 2014 thành 3 đợt. Số liệu tổng hợp như sau:
 - Trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu là 3.149.999 cổ phiếu, tương đương 31.499.990.000 VND,
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu là 22.075.113 cổ phiếu, tương đương 220.751.130.000 VND,
 - Chào bán cho đối tác chiến lược là 7.947.500 cổ phiếu, tương đương 95.370.000.000 VND,
 - Phát hành cổ phiếu bán cho cán bộ công nhân viên là 787.500 cổ phiếu, tương đương 7.875.000.000 VND,
 - Số cổ phiếu không chào bán hết được chào bán cho các cổ đông khác là 289.882 cổ phiếu, tương đương 2.898.820.000 VND.
- ii. Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông NQ-ĐHĐCĐ/2014 ngày 26/04/2014, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 vào các quỹ như sau: Quỹ đầu tư phát triển: 686.852.413 đồng, Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 686.852.413 đồng.

VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102182140 thay đổi lần thứ 17 ngày 25/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là 499.999.940.000 đồng. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được góp như sau:

Danh sách cổ đông	Vốn đăng ký góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2014	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Phan Trung Phương	21.704.620.000	4,34%	21.704.620.000	4,34%
Nguyễn Văn Sang	26.223.750.000	5,24%	26.223.750.000	5,24%
Nguyễn Thị Minh Nguyệt	6.594.750.000	1,32%	6.594.750.000	1,32%
Trần Thanh Mai	19.420.000	0,00%	19.420.000	0,00%
Các cổ đông khác	445.457.400.000	89,09%	445.457.400.000	89,09%
Cộng	499.999.940.000	100,00%	499.999.940.000	100,00%

Tình hình phát hành cổ phiếu

	Đơn vị tính	Năm 2014
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	Cổ phiếu	49.999.994
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	Cổ phiếu	49.999.994
+ Mệnh giá cổ phiếu	VND/cổ phiếu	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	Cổ phiếu	49.999.994

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 6 bộ phận hoạt động – Bộ phận Tư vấn và Đầu tư, Bộ phận xuất nhập khẩu nông sản, Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp, Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông dược, bộ phận chế biến thực phẩm và bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 06 bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của 06 bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận Tư vấn và Đầu tư: Tư vấn đầu tư, tư vấn mua bán doanh nghiệp, đầu tư bất động sản, chứng khoán, và đầu tư dài hạn khác.

Bộ phận xuất nhập khẩu nông sản: Mua bán, xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản.

Bộ phận sản xuất kinh doanh vật tư kỹ thuật nông nghiệp: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng vật tư kỹ thuật nông nghiệp.

Bộ phận sản xuất kinh doanh các mặt hàng nông dược: sản xuất và kinh doanh các mặt hàng nông dược.

Bộ phận chế biến thực phẩm: chế biến thực phẩm phục vụ xuất khẩu

Bộ phận kinh doanh các dịch vụ khác: cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31/12/2014

	Tư vấn và Đầu tư VND	Xuất nhập khẩu nông sản VND	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chế biến thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tài sản								
Tài sản bộ phận	737.409.898.864	104.230.124.872	303.191.677.154	217.353.069.801	79.075.539.727	17.162.917.838	(495.425.612.203)	962.997.616.053
Tổng tài sản hợp nhất								962.997.616.053
Nợ phải trả								
Nợ phải trả bộ phận	111.167.364.106	52.198.086.258	39.211.740.592	50.062.526.743	38.774.789.018	-	(89.626.020.787)	201.788.485.930
Tổng nợ phải trả hợp nhất								201.788.485.930
Năm 2014								
	Tư vấn và đầu tư VND	Xuất nhập khẩu VND	Vật tư kỹ thuật nông nghiệp VND	Nông được VND	Chế biến thực phẩm VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu								
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	42.181.822.043	26.948.502.808	50.811.554.320	47.740.071.631	54.673.079.826	22.022.684.818	-	244.377.715.446
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	3.378.875.906	-	23.324.506.120	-	-	6.317.126.064	(33.020.508.090)	-
Tổng doanh thu	45.560.697.949	26.948.502.808	74.136.060.440	47.740.071.631	54.673.079.826	28.339.810.882	(33.020.508.090)	244.377.715.446
Kết quả hoạt động kinh doanh								-
Giá vốn	19.427.170.134	25.125.661.926	64.629.167.259	34.001.693.758	47.319.341.356	5.087.502.791	(30.808.622.962)	164.781.914.262
Lãi gộp	26.133.527.815	1.822.840.882	9.506.893.181	13.738.377.873	7.353.738.470	23.252.308.091	(2.211.885.128)	79.595.801.184
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý								33.086.861.979
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								182.830.112.827
Lãi (lỗ) khác								(376.178.240)
Doanh thu tài chính								142.989.271.709
Chi phí tài chính								6.668.098.087
Lợi nhuận trước thuế								181.106.630.078
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								35.811.166.117
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								736.092.660
Lợi nhuận trong năm								146.031.556.621

BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Công ty hoạt động tại Hà Nội, Cần Thơ, Long An. Hoạt động Tư vấn, đầu tư và Xuất nhập khẩu nông sản được đặt tại Hà Nội. Hoạt động vật tư kỹ thuật nông nghiệp, nông dược và chế biến thực phẩm ở Cần Thơ và Long An. Hoạt động Nông dược ở Long An. Hoạt động khác được đặt ở Hà Nội và Cần Thơ.

Dưới đây là phân tích doanh thu của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	31/12/2014 VND
Hà Nội	72.509.200.757
Cần Thơ, Long An	176.549.211.897
Hà Nội và Cần Thơ	28.339.810.882
Loại trừ Doanh thu nội bộ	(33.020.508.090)
	244.377.715.446

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận 31/12/2014 VND	Tăng tài sản cố định hữu hình, vô hình 31/12/2014 VND
Hà Nội	230.129.302.885	3.932.646.416
Cần Thơ, Long An	154.151.253.175	43.659.757.864
	384.280.556.060	47.592.404.280

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	179.213.853.496
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.823.225.639
Doanh thu tư vấn giới thiệu khách hàng tiềm năng	7.792.914.134
Doanh thu kinh doanh bất động sản	25.213.152.530
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	18.227.224.958
Doanh thu dịch vụ khác	5.466.080.462
Cộng	247.736.451.219
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.188.105.407
Hàng bán bị trả lại	170.630.366
Giảm giá hàng bán	3.188.105.407
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	244.377.715.446

23. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014
	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	148.881.676.749
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	(1.460.929.718)
Giá vốn tư vấn giới thiệu khách hàng niêm yết	386.545.761
Giá vốn kinh doanh bất động sản	5.087.502.791
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	11.518.399.200
Giá vốn dịch vụ khác	368.719.479
	164.781.914.262

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.328.474.903
Chi phí nhân công	7.165.518.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.529.443.103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.260.957.839
Chi phí dự phòng	5.154.496.124
Chi phí khác	3.559.006.817
	34.997.897.207

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014
	VND
Lãi tiền cho vay, tiền gửi	17.963.056.545
Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư tài chính	123.946.086.878
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.335.900
Doanh thu tài chính khác	1.018.792.386
	142.989.271.709

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014
	VND
Chi phí lãi vay	2.913.138.424
Lỗ đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.401.500.000
Chi phí tài chính khác	353.459.663
	6.668.098.087

27. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2014
	VND
Thu nhập khác	6.277.277.616
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định, tài sản dài hạn khác	6.063.633.430
Thu nhập khác	213.644.186
Chi phí khác	6.653.455.856
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	5.868.436.291
Chi phí khác	785.019.565
	(376.178.240)

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	31/12/2014 VND
Thuế TNDN hiện hành	35.811.166.117
<i>Trong đó</i>	
Thuế TNDN của Công ty Mẹ	30.074.190.722
Thuế TNDN của Công ty CP Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	5.070.057.300
Thuế TNDN của Công ty TNHH XNK và Thương mại F.I.T Việt Nam	584.136.028
Thuế TNDN của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	82.782.067
Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.811.166.117

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	146.031.556.621
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	35.487.460
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.115
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2014, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty là 0.

	31/12/2014 VND
Các khoản vay	104.627.847.552
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019
Nợ thuần	-
Vốn chủ sở hữu	660.600.044.697
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ
	31/12/2014
	VND
Tài sản	
Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019
Đầu tư tài chính ngắn hạn	303.257.316.078
Các khoản phải thu ngắn hạn	118.284.745.145
Đầu tư tài chính dài hạn	18.948.490.000
Cộng	648.956.232.242
Nợ phải trả	
Phải trả người bán và phải trả khác	33.425.235.570
Chi phí phải trả	4.469.345.547
Cộng	142.522.428.669

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, xác định điểm giới hạn chịu lỗ. Hội đồng Quản

trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	208.465.681.019	-	208.465.681.019
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	303.257.316.078	-	303.257.316.078
Các khoản phải thu ngắn hạn	118.284.745.145	-	118.284.745.145
Đầu tư tài chính dài hạn	-	18.948.490.000	18.948.490.000
Cộng	630.007.742.242	18.948.490.000	648.956.232.242
Nợ phải trả			
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	33.290.103.570	-	33.290.103.570
Vay ngắn hạn	104.627.847.552	-	104.627.847.552
Chi phí phải trả	4.469.345.547	-	4.469.345.547
Phải trả dài hạn khác	-	135.132.000	135.132.000
Cộng	142.387.296.669	135.132.000	142.522.428.669
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	487.620.445.573	18.813.358.000	506.433.803.573

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<i>Số dư các bên liên quan tại ngày 31/12/2014</i>		
<i>Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ</i>			
Cung cấp dịch vụ	Số phát sinh	Số thanh toán	Số dư phải thu
Công ty CP TM sản xuất và dịch vụ Sao Nam			
Gốc vay	10.000.000.000	2.500.000.000	20.551.632.350
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	1.369.661.219	1.330.188.988	72.715.883
Công ty CP Today Cosmetics			
Gốc vay	1.500.000.000	1.750.000.000	-
Khoản lãi các hợp đồng hợp tác đầu tư	68.979.166	71.506.904	-

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Trong giai đoạn từ ngày 24/12/2014 đến ngày 06/01/2015, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.712.499 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên tương đương giá trị là 17.124.990.000 đồng, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty tăng lên là 517.124.930.000 đồng. Ngoài sự kiện tăng vốn điều lệ này, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

33. SỔ LIỆU SO SÁNH

Do đây là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên không có sổ liệu so sánh.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Tổng Giám đốc

*Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm
2015*

Trần Thị Mai

Hương

Kế toán trưởng

Ninh Thi

Phương

Người lập biểu